

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

Số: 61/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngũ Hành Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông **Trương Nguyên L**, sinh năm 1987 và bà **Nguyễn Ngọc Thanh T**, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ: Số 05 đường Lưu Quang T, tổ 39 phường M, quận N, TP. Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Nguyên L và bà Nguyễn Ngọc Thanh T kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do có nhiều điểm không hợp, thường xuyên cãi vã, không thể giao tiếp và chia sẻ với nhau từ đó lạnh nhạt tình cảm, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, từ năm 2020 ông bà sống ly thân không ai quan tâm gì nhau. Nay ông L và bà T xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông và bà T xác định có 02 con chung là Trương Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 06/12/2015 và Trương Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/12/2017. Ly hôn ông L và bà T thỏa thuận: giao cả 02 con Trương Nguyễn Nguyên

K và Trương Nguyễn Thanh N cho bà Nguyễn Ngọc Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trương Nguyễn L cấp dưỡng nuôi hai con 8.000.000 đồng/ tháng, Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông L và bà T mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009671 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Nguyễn L và bà Nguyễn Ngọc Thanh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2014, đăng ký ngày 16/5/2014 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng không còn giá trị).

- Về quan hệ con chung: Giao cả 02 con Trương Nguyễn Nguyễn K và Trương Nguyễn Thanh N cho bà Nguyễn Ngọc Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Nguyễn L cấp dưỡng nuôi hai con 8.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông L và bà T mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0009671 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Mỹ An,
quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.
(theo Giấy CNKH số 54/2014, ngày 16/5/2014).
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

đã ký

Lương Thị Anh